

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS - ST

Ngày: 06/5/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLST – DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quốc Kh – Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách C, huyện L; địa chỉ: Ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền số 7300/QĐ- NHCS ngày 19/9/2020). (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Kim Đ, sinh năm 1966; (Có mặt)

Bà Lâm Thị N, sinh năm 1967; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2020, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có cho hộ ông Kim Đ và bà Lâm Thị N vay vốn theo các chương trình cho vay, cụ thể như sau:

+ Chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, ngày vay 02/12/2009, ngày đến hạn 21/11/2018; vay số tiền vốn gốc 32.200.000 đồng (Ba mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng); Tổng số tiền còn nợ quá hạn tính đến ngày 06/5/2021 là 36.231.407 đồng (Tiền vốn gốc là 32.200.000 đồng; lãi là 4.031.407 đồng)

+ Chương trình hộ cận nghèo, ngày vay 10/7/2016, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 10/7/2019, vay số tiền vốn là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), lãi suất là 0,66%/tháng. Tổng số tiền còn nợ quá hạn tính đến ngày 06/5/2021 là 17.161.188 đồng (Tiền vốn gốc là 15.000.000 đồng; lãi là 2.161.188 đồng)

Tính đến ngày 06/5/2021, ông Đ chỉ mới trả được tiền lãi của hai khoản vay trên là 22.476.114 đồng (hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm mười bốn đồng), chưa trả vốn. Hộ ông Đ và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 47.200.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng) và tiền lãi tạm tính của hai khoản vay là 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 53.392.595 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng)

Nay Ngân hàng C yêu cầu ông Kim Đ và bà Lâm Thị N hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 47.200.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/5/2021 là 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 53.392.595 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Kim Đ trình bày: Ông có ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện L (viết tắt là Ngân hàng), theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, Chương trình hộ cận nghèo với số tiền vốn gốc của hai gói vay này là 47.200.000 đồng. Ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 47.200.000 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/5/2021 là 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 53.392.595 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng).

Nay ông thống nhất cùng vợ là bà Lâm Thị N đồng ý hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 47.200.000 đồng, và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/5/2021 là 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 53.392.595 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). Đối với số lãi theo hợp đồng, ông đồng ý trả. Nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn, ông xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi dứt nợ.

Đối với bị đơn bà Lâm Thị N, kể từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà N không có ý kiến phản hồi đối với

việc khởi kiện của Ngân hàng. Do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn ông Kim Đ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Lâm Thị N chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Kim Đ và bà Lâm Thị N có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn gốc của hai khoản vay là 47.200.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng), và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/5/2021 là 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 53.392.595 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lâm Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng C yêu cầu ông Đ và bà N có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 47.200.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng), số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng), tổng cộng vốn và lãi là 53.392.595 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). Ngân hàng C có cung cấp các Sổ vay vốn, thể hiện ông Đ có vay số tiền là 47.200.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng). Bị đơn ông Đ cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng C số tiền vốn là 47.200.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng). Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được Hội đồng xem xét như sau:

Căn cứ vào mục 2.2 Điều 2 của Sổ vay vốn, thì bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong sổ vay vốn theo đúng định kỳ. Trong quá trình vay ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, nên ông Đ phải chịu hậu quả theo giao kết. Vì vậy việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu ông Đ có

trách nhiệm thanh toán số tiền vốn 47.200.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Tại mục 2.2 Điều 2 của Sổ vay vốn thì Hộ vay có nghĩa vụ “*trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong sổ vay vốn*”. Xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong sổ vay vốn tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Đ trả số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (06/5/2021) là 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Lâm Thị N có nghĩa vụ liên đới cùng ông Kim Đ thanh toán các khoản nợ vay. Nhận thấy: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó có nêu rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập hợp lệ bà N tham gia hòa giải và công khai chứng cứ, nhưng bà N không tham gia cũng không có văn bản phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác ông Đ vay vốn nhằm mục đích cho con đi học và mục đích chăn nuôi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Do nghĩa vụ dân sự này chỉ do ông Đ xác lập, nhưng tại thời điểm vay tiền, ông Đ và bà N vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, mục đích vay để sử dụng chung. Cho nên, căn cứ vào Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình, bà N phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Đ thanh toán số tiền vốn gốc là 47.200.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 06/5/2021 là 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 53.392.595 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng).

Đối với yêu cầu của ông Kim Đ xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi dứt nợ, nhưng phía đại diện Ngân hàng C không đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Kim Đ và bà Lâm Thị N phải chịu 2.669.630 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm c, điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C; Buộc bị đơn ông Kim Đ và bà Lâm Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày xét xử là 53.392.595 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng). (Trong đó vốn gốc là 47.200.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng); lãi 6.192.595 đồng (Sáu triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi lăm đồng))

Kể từ ngày 07/5/2021, nếu ông Kim Đ và bà Lâm Thị N chưa thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng C, thì ông Đ và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Kim Đ và bà Lâm Thị N phải chịu 2.669.630 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà

